

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN B
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 242/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 08/9/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN B, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Hữu Kinh

2/ Ông Nguyễn Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam, tham gia phiên tòa bà Đinh Thị Thu Hòa, Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2020 và Thông báo về việc xét xử số 177/2020/TB-TA ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ D, Sinh năm: 1998. (Có mặt).

Địa chỉ: Kiệt 15, đường liên thôn, Tổ 4, thôn Nam S, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

2/ Bị đơn: Ông Trương Văn T Sinh năm: 1990. (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường số 3, thôn Xuân D, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020 và tại bản tự khai tại Tòa án nhân dân thị xã Điện B bà Phạm Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Trương Văn T kết hôn với nhau vào ngày 05/6/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên say xỉn về bạo hành gia đình, làm ảnh hưởng đến mọi người, ảnh hưởng đến tâm lý phát triển của con cái.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà D yêu cầu ly hôn ông Trương Văn T.

Về con chung bà Phạm Thị Mỹ D khai có một con chung là Trương Anh T1, sinh ngày 06/6/2018, khi ly hôn bà D có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu phân chia

Nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung

Ngoài ra bà Phạm Thị Mỹ D không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Trương Văn T trình bày tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn, ông T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà D, ông không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có chút hiểu nhầm vợ nên hay say xỉn và làm vợ buồn phiền, nay bản thân ông thấy đã sai nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống nuôi dạy con chung và ông hứa không ăn nhậu, lo làm ăn để lo vợ con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung ông Trương Văn T khai có một con chung như bà D khai là đúng, nay bà D cương quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng vì con còn nhỏ ông không lo cho con được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung

Ngoài ra ông Trương Văn T không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu đánh giá quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện B đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ D và ông Trương Văn T. Về con chung: Giao Trương Anh T1, sinh ngày 06/6/2018 cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Mỹ D yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Trương Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Trương Văn T hiện nay đang cư trú tại tổ 5, thôn Xuân D, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà D cho rằng là do ông T thường xuyên say xỉn về bạo hành gia đình, làm ảnh hưởng đến mọi người, ảnh hưởng đến tâm lý phát triển của con cái, không chăm lo gia đình. Tại phiên tòa bà D cho rằng giữa bà và ông T không còn chung sống với nhau, hiện nay ông T sống tại nhà cha mẹ ông T, còn bà D hiện nay đang sinh sống tại Tổ 4, thôn Nam S, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 01/2020. Đối với ông T trong quá trình giải quyết vụ án ông T không đồng ý ly hôn, qua xác minh tại địa phương cũng cho biết vợ chồng bà D ông T không còn chung sống với nhau từ năm 01/2020 đến nay. Tại phiên tòa bà D vẫn cương quyết xin được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T là đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử đã thống nhất cho bà D và ông T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D đều có nguyện vọng được nuôi con chung, ông T đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng vì con còn nhỏ ông không lo cho con được. Để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, cháu T1 sinh ngày 06/6/2018 hiện nay còn nhỏ dưới ba tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao con cháu T1 cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung bà D và ông T yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự riêng.

[6] Về án phí bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ D đối với ông Trương Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ D và ông Trương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trương Anh T1, sinh ngày 06/6/2018 cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trương Văn T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

Về án phí Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002565 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện B, bà D đã nộp đủ án phí dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên TAND tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam.
- THADS thị xã Điện Bàn.
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã, phường.
- Lưu hồ sơ
- Thi hành án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nam Trung